

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thành Tựu
2. Ông Đỗ Ngọc Cận

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Số 555, đường 30/4, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S.

2/. Bi đơn: Ông La Quốc C, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 376/24 LTK, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh S.

3/. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng thương mại Cổ phần V (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 89 Láng H, Quận Đ, Hà Nội

+ Ông Lê Trung T, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 444 đường 9B, khóm B, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08/01/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông La Quốc C tự nguyện sống chung vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 26/12/2011. Sau khi cưới vợ chồng về bên nhà bà sống hạnh phúc 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 10 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Nguyên nhân là do về vấn đề tiền bạc, thường xuyên cãi vã, ông C thường xuyên nhậu không lo chăm sóc cho vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông La Quốc C có hai (02) người con chung tên La Hoàng Ngọc T, sinh ngày 18/4/2010 và La Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/9/2016.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông La Quốc C.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai (02) người con chung là La Hoàng Ngọc T, sinh ngày 18/4/2010 và La Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/9/2016 đến tuổi trưởng thành, Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

- Tại biên bản hòa giải ngày 12/02/2019, đơn trình bày bổ sung tài sản chung và nợ chung ngày 19/02/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2019, ngày 15/3/2019 chứng cứ có trong hồ sơ của bị đơn ông La Quốc C như sau: Ông C thống nhất với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị Thùy T về quan hệ hôn nhân, về con chung. Còn mâu thuẫn gia đình như bà T trình bày là không đúng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông và bà T thường cãi nhau trong lúc giận nhau, thì ông có đi nhậu chứ không phải nhậu thường xuyên như bà Trang trình bày, thường ngày ông bận phải đi làm và cũng có quan tâm chăm sóc vợ con.

Nay ông C không đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Nếu ly hôn, ông đồng ý giao cho bà Trang được trực tiếp nuôi dưỡng hai (02) người con chung là La Hoàng Ngọc T, sinh ngày 18/4/2010 và La Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/9/2016 đến tuổi trưởng thành và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà T có một miếng đất tọa lạc số 543, đường 30/4, khóm 1, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, 01 chiếc xe Honda hiệu SH.Mode đối với tài sản này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh số tiền vay là 52.500.000 đồng; Nợ ông Lê Trung T số tiền 25.000.000 đồng. Còn 03

khoản nợ tiền Quỹ tín dụng đen tổng cộng 43.000.000 đồng ông không trình bày được. Vì ông không biết họ tên địa chỉ những chủ nợ này.

- *Tại biên bản ngày 20/5/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Lê Trung T trình bày như sau:* Ông La Quốc C và bà Nguyễn Thị Thùy T có nợ tiền nước đá của ông số tiền 25.000.000 đồng. Nay ông không yêu cầu bà T và ông C trả số nợ này, sau này nếu có yêu cầu thì ông khởi kiện vụ khác chứ không yêu cầu trả trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại Cổ phần V:* Tòa án đã đưa Ngân hàng thương mại Cổ phần V vào tham gia tố tụng và cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ngân hàng thương mại Cổ phần V theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Ngân hàng thương mại Cổ phần V không phúc đáp cho Tòa án biết, đối với yêu cầu khoản nợ của nguyên đơn T và bị đơn C, cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

- *Tại biên bản ghi ý kiến ngày 22/01/2019 của cháu La Hoàng Ngọc T trình bày:* Nếu cha, mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Thùy T và ông La Quốc C không chung sống với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Thùy T.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng và Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Sóc Trăng thì Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng phúc đáp nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa bà T và ông C Ủy ban nhân dân phường 3 không ý kiến và Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Sóc Trăng phúc đáp việc bà Trang yêu cầu nuôi con thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Trung T, Ngân hàng thương mại Cổ phần V không thực hiện đúng theo quy định và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông La Quốc C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại Cổ phần V được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông La Quốc C, ông Lê Trung T và Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) vẫn vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông La Quốc C, ông Lê Trung T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại Cổ phần V.

[2] Vụ kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T và ông La Quốc C là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà T và ông C cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Sóc Trăng vào ngày 26/12/2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông La Quốc C là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thùy T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông C, vì ông C thường xuyên nhậu về cãi nhau, không chăm lo cho vợ con, từ tháng 10/2018 bà và ông C không chung sống với nhau. Nay bà T kiên quyết ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn với bà T. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Ông C thường xuyên nhậu không chăm lo cho vợ con nên mục đích hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông La Quốc C không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Thùy T và ông La Quốc C có (02) người con chung là La Hoàng Ngọc T, sinh ngày 18/4/2010 và La Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/9/2016, hiện nay cháu A và cháu T đang sống với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi con, ông C cũng đồng ý giao con chung tên La Hoàng Ngọc T, sinh ngày 18/4/2010 và La Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/9/2016 cho bà T nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao con chung tên La Hoàng Ngọc T, sinh ngày 18/4/2010 và La Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/9/2016 cho bà T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành.

[4] Ông La Quốc Cường có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thùy T không yêu cầu ông La Quốc C cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông La Quốc C trình bày là có nợ chung nhưng bà Trần Thị Thùy T trình bày không có nợ chung. Tòa án cũng đã đưa chủ nợ là ông Lê Trung T và Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy tại biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/5/2019 ông Lê Trung T không yêu cầu Tòa án giải quyết bà T và ông C trả số tiền nợ 25.000.000 đồng trong cùng vụ án này và Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) không phúc đáp cho Tòa án biết, đối với yêu cầu khoản nợ của nguyên đơn T và bị đơn C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về nợ chung. Nguyên đơn Trần Thị Thùy T và bị đơn ông La Quốc C có trách nhiệm trả nợ khi các chủ nợ có yêu cầu.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Lời đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Thùy T.

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thùy T được quyền ly hôn với ông La Quốc C.

2/ *Về con chung:* Giao cho bà Nguyễn Thị Thùy T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên La Hoàng Ngọc T, sinh ngày 18/4/2010 và La Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 23/9/2016 đến tuổi trưởng thành. Ông La Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông La Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

4/ *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5/ *Về nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

6/ *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004864 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, bà Nguyễn Thị Thùy T đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố ST;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

- UBND phường 3;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự thành phố ST;
- Lưu hồ sơ.

Lý Bích Khiêm